

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦ THỪA

Số : /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủ Thừa, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết  
xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước Nhị Thành

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 21/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình QCVN 07:2023/BXD;*

*Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình cấp nước QCVN 07-1:2023/BXD;*

*Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 12113/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Thủ Thừa;*

*Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 3528/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh Long An chấp thuận cho Công ty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP - Long An đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nước Nhị Thành - Hạng mục Trạm bơm nước thô cấp 1; Các Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3879/QĐ-UBND ngày 25/10/2017; Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 23/3/2022, Quyết định số 8085/QĐ-UBND ngày 31/8/2022, Quyết định số 12541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Long An;*

*Căn cứ Quyết định số 4526/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND huyện Thủ Thừa về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch nông thôn (quy hoạch nông thôn mới) xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An;*

*Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của UBND huyện Thủ Thừa về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước Nhị Thành (giai đoạn 2);*

*Căn cứ Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 của UBND huyện Thủ Thừa về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nhà máy nước Nhị Thành;*

*Căn cứ Công văn số 3035/SXD-QHKT ngày 23/7/2024 của Sở Xây dựng về việc góp ý đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ*

1/500 Nhà máy nước Nhị Thành, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Xét Tờ trình số 145/2024/TTr-BWELA ngày 11/6/2024 của Công ty Cổ phần nước Biwase - Long An và Báo cáo kết quả thẩm định đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước Nhị Thành số 444/KT&HT ngày 09/8/2024 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Thủ Thừa.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước Nhị Thành, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, với nội dung như sau:

\* **Tên gọi:** Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước Nhị Thành, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

\* **Địa điểm lập quy hoạch:** Xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

\* **Chủ đầu tư lập quy hoạch:** Công ty Cổ phần nước Biwase - Long An.

\* **Đơn vị tư vấn lập quy hoạch:** Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa.

### **I. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch:**

#### **1. Lý do:**

Hiện nay, công suất nhà máy nước Nhị Thành là 60.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, tuy nhiên với nhu cầu sử dụng nước của người dân và doanh nghiệp trong vùng quy hoạch có xu hướng tăng nhanh trong thời gian gần đây nên công suất hiện tại của nhà máy chưa đủ để đáp ứng nhu cầu thực tế sử dụng của người dân, doanh nghiệp trong khu vực. Tình trạng thiếu nước sạch sinh hoạt đang diễn ra ngày càng cấp bách, thể hiện tại Thông báo kết luận số 279/TB-HĐND ngày 02/4/2024 của Thường trực HĐND tỉnh tại cuộc khảo sát, làm việc về tình hình cung cấp nước sinh hoạt và xử lý đơn của tổ chức, công dân tại huyện Cần Đước, Cần Giuộc và Công ty Cổ phần nước Biwase - Long An và tại Thông báo kết luận số 1099/TB-UBND ngày 09/4/2024 của UBND tỉnh Long An tại buổi làm việc với Công ty Cổ phần nước Biwase - Long An về phương án, hướng tuyến xây dựng tuyến ống truyền tải nước thô và cung cấp nước sinh hoạt cho người dân. Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu cấp nước sạch của người dân, doanh nghiệp, việc nâng cao công suất nhà máy và đầu tư tuyến ống chính dẫn từ nhà máy nước Nhị Thành là vô cùng cấp thiết.

Thực hiện theo Quyết định chủ trương đầu tư số 3528/QĐ-UBND ngày 30/8/2016; Các Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3879/QĐ-UBND ngày 25/10/2017; Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 23/3/2022; Quyết định

số 8085/QĐ-UBND ngày 31/8/2022; Quyết định số 12541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Long An. Tiến độ triển khai giai đoạn 3 của dự án nhà máy nước Nhị Thành nâng tổng công suất từ 60.000m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 120.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Để đảm bảo dự án triển khai đúng tiến độ với mục đích phục vụ cho cộng đồng thì việc điều chỉnh tổng thể là cần thiết để triển khai lập dự án đầu tư và triển khai các bước tiếp theo.

## **2. Sự cần thiết:**

Cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Long An thời kỳ từ năm 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023 trong đó nhà máy nước Nhị Thành công suất 120.000m<sup>3</sup> (PLXI).

Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Nhà máy nước Nhị Thành nhằm hạn chế tối đa việc khai thác nước ngầm quá mức và tự phát ảnh hưởng đến môi trường sống của khu vực.

Nâng cao công suất nhà máy nước Nhị Thành góp phần triển khai đáp ứng nguồn cung cấp nước sạch cho người dân trong khu vực xã Nhị Thành nói riêng và tỉnh Long An nói chung.

Để đảm bảo triển khai bước lập dự án đầu tư đúng thủ tục trình tự pháp lý theo quy định của pháp luật, thì việc điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Nhà máy nước Nhị Thành là cơ sở để triển khai các bước tiếp theo của dự án. Vì vậy, việc triển khai lập đề án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Nhà máy nước Nhị Thành là rất cần thiết.

## **II. Các căn cứ lập quy hoạch:**

### **1. Cơ sở pháp lý:**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Quy hoạch đô thị số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý

quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 12113/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Thủ Thừa;

- Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh Long An về việc thành lập Ban Quản lý nguồn nước kênh rạch Chanh – Nguyễn Văn Tiếp;

- Thông báo kết luận số 279/TB-HĐND ngày 02/4/2024 của Thường trực HĐND tỉnh tại cuộc khảo sát, làm việc về tình hình cung cấp nước sinh hoạt và xử lý đơn của tổ chức, công dân tại huyện Cần Đước, Cần Giuộc và Công ty Cổ phần nước Biwase - Long An;

- Thông báo kết luận số 1099/TB-UBND ngày 9/4/2024 của UBND tỉnh tại buổi làm việc với Công ty Cổ phần nước Biwase - Long An về phương án, hướng tuyến xây dựng tuyến ống truyền tải nước thô và cung cấp nước sinh hoạt cho người dân.

- Quyết định chủ trương đầu tư số 3528/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh Long An; Các Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3879/QĐ-UBND ngày 25/10/2017; Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 23/3/2022, Quyết định số 8085/QĐ-UBND ngày 31/8/2022, Quyết định số 12541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Long An;

- Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 10/6/2013 của UBND huyện Thủ Thừa phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Quyết định số 4526/QĐ-UBND ngày 03 /8/2020 của UBND huyện Thủ

Thừa về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch nông thôn (quy hoạch nông thôn mới) xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An;

- Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của UBND huyện Thủ Thừa về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước Nhị Thành (giai đoạn 2);

- Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của UBND huyện Thủ Thừa về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước Nhị Thành (giai đoạn 2);

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Nhà máy nước Nhị Thành số 2871647370 do Sở kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 28/01/2016;

- Giấy thỏa thuận về việc lối đi chung giữa Xí nghiệp cấp nước Bình Ảnh và nhà máy nước Nhị Thành ngày 11/10/2021;

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp số: 102023/HĐCN.CL-LA ngày 13/4/2023; Phụ lục hợp đồng số 01-102023/HĐCN.CL-LA ngày 05/5/2023;

## **2. Các nguồn tài liệu, số liệu:**

- Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 của UBND huyện Thủ Thừa về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nhà máy nước Nhị Thành;

- Tài liệu, số liệu hiện trạng về sử dụng đất, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực quy hoạch;

- Các số liệu về dân số, dân cư, điều kiện tự nhiên như khí hậu, địa chất, thủy văn khu vực quy hoạch và lân cận.

## **3. Cơ sở bản đồ:**

- Quy hoạch chung huyện Thủ Thừa;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 634794 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 28/12/2017;

- Bản đồ khảo sát hiện trạng khu vực nghiên cứu lập quy hoạch tỷ lệ 1/500.

- Mảnh trích đo địa chính số 06-2017 do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An ký ngày 12/9/2017. ;

- Mảnh trích đo địa chính số 01-2024 được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 01/02/2024;

- Các bản đồ có liên quan khác như bản đồ hiện trạng sử dụng đất huyện Thủ Thừa và các bản đồ quy hoạch chi tiết vùng lân cận.

### **III. Nội dung nghiên cứu quy hoạch:**

#### **1. Vị trí, giới hạn, diện tích:**

- Khu vực lập quy hoạch thuộc ấp 7, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có ranh giới được xác định cụ thể như sau:

- + Phía Bắc: Giáp đất nông nghiệp.
- + Phía Nam: Giáp Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An.
- + Phía Đông: Giáp đất nông nghiệp.
- + Phía Tây: Giáp đất nông nghiệp.
- Diện tích khu đất lập quy hoạch: 33.500,40 m<sup>2</sup>.

#### **2. Tính chất khu quy hoạch:**

Là nhà máy khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.

#### **3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt được:**

##### **3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu:**

- Mật độ xây dựng toàn khu :  $\leq 50\%$ .
- Mật độ cây xanh :  $\geq 20\%$ .
- Hệ số sử dụng đất : 3,26.

##### **3.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật áp dụng:**

- Cấp điện:

- + Nhà bảo vệ: 45W/m<sup>2</sup>
- + Hệ thống giao thông, bến bãi: 10W/m<sup>2</sup>
- + Cây xanh: 5W/m<sup>2</sup>
- + Nhà điều hành: 85W/m<sup>2</sup>
- + Trạm bơm và khu xử lý nước thải: 1.000 W/m<sup>2</sup>

- Cấp nước:

- + Nước công trình dịch vụ công cộng :  $\geq 2$  lít/m<sup>2</sup> sàn/ngày đêm.
- + Nước tưới vườn hoa, công viên :  $\geq 3$  lít/m<sup>2</sup>/ngày đêm.
- + Nước rửa đường :  $\geq 0,4$  lít/m<sup>2</sup>/ngày đêm.
- + Nước dự trữ phòng cháy: 100m<sup>3</sup> với việc chữa cháy cho 1 đám cháy đồng thời xảy ra trong 1 giờ, với lưu lượng 20 lít/s.

+ Rò rỉ, dự phòng : 10%.

+ Nước dùng cho nhà máy được lấy từ mạng lưới cấp nước (sau bơm cấp 2) đảm bảo đủ dùng để duy trì hoạt động hàng ngày trong nhà máy bao gồm: Nước dùng cho pha hóa chất, thau rửa bồn bể, nước dùng cho nhà điều hành...

- Tiêu chuẩn nước thải : 80% tổng lượng nước cấp.
- Tiêu chuẩn rác thải : 1,0kg/người/ngày.

- Chỉ tiêu thông tin liên lạc:
- + Khu điều hành: 35 thuê bao/100 người.
- + Khu kỹ thuật: 5 thuê bao/ha.

#### **4. Phương án quy hoạch:**

##### **4.1. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan toàn khu:**

###### **a) Đất công trình xây dựng:**

- Đất công xây dựng có diện tích 16.352,09 m<sup>2</sup> chiếm 48,81% diện tích toàn nhà máy với các chỉ tiêu như sau:

- + Tầng cao xây dựng: Tối đa 04 tầng
- + Chi giới xây dựng trùng với chi giới đường đỏ (đường nội bộ).

###### **b) Đất khuôn viên cây xanh:**

Diện tích 7.814,52 m<sup>2</sup> chiếm 23,33% diện tích của nhà máy.

###### **c) Đất giao thông, bãi đậu xe, sân đường:**

Diện tích 6.685,39 m<sup>2</sup> chiếm 19,96% diện tích của nhà máy.

###### **d) Đất đặt tuyến ống chính:**

Diện tích 2.648,40 m<sup>2</sup> chiếm 7,90% diện tích của nhà máy.

##### **4.2. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:**

STT	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
1	Đất công trình xây dựng	16.352,09	48,81
2	Đất cây xanh, mặt nước	7.814,53	23,33
3	Đất giao thông, bãi đậu xe	6.685,38	19,96
4	Đất đặt tuyến ống chính	2.648,40	7,90
	<b>Tổng</b>	<b>33.500,40</b>	<b>100,00</b>

##### **4.3. Quy hoạch sử dụng đất chi tiết các hạng mục công trình:**

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>Công trình hiện hữu</b>	<b>9.680,69</b>	
1	Bể u-bcf và khuấy trộn pac	460,60	
2	Bể keo tụ, bể tạo bông, bể lắng	684,25	
3	Bể chứa nước rửa ngược - nhà hóa chất	571,16	
4	Bể lọc nhanh osf 1	665,00	
5	Bể chứa nước sạch 1	2.020,32	
6	Trạm bơm cấp 2	409,50	
7	Nhà máy phát điện	66,32	
8	Bể nén bùn 1	86,54	



STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	GHI CHÚ
9	Nhà máy ép bùn	135,00	
10	Nhà bảo vệ	15,80	
11	Trạm biến áp 1	12,00	
12	Trạm biến áp 2	16,00	
13	Nhà điều hành	405,00	
14	Bể nén bùn 2	176,60	
15	Nhà bảo trì	184,00	
16	Bể chứa nước sạch 2	1.710,00	
17	Tháp làm thoáng, bể keo tụ, bể tạo bông, bể lắng	800,00	
18	Bể lọc nhanh osf 2	1.000,00	
19	Nhà Clo	262,60	
<b>II</b>	<b>Công trình xây dựng quy hoạch mới</b>	<b>6.671,40</b>	
1	Bể trộn	171,20	
2	Bể phản ứng - lắng	1.212,10	
3	Bể lọc	1.665,90	
4	Bể chứa	963,70	
5	Trạm bơm rửa lọc	131,10	
6	Nhà kho Clo	102,20	
7	Nhà Clo	70,00	
8	Nhà PAC	104,00	
9	Cải tạo trạm bơm cấp 2	120,90	
10	Kho vật tư	205,00	
11	Nhà ở nhân viên	77,00	
12	Nhà ăn	98,30	
13	Cải tạo nhà điều hành	405,00	Không tính dt
14	Bể phản ứng - lắng (giai đoạn sau)	1.212,00	
15	Bể phản ứng (giai đoạn sau)	538,00	

#### 4.4. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

##### a) Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

- Toàn bộ khu vực quy hoạch thiết kế mặt đường nội bộ hoàn thiện thấp hơn mặt đường tỉnh 818 (hiện hữu) là 0,1m.

- Cao độ đường tỉnh 818: + 2,50m

- Cao độ công trình:  $\geq$  + 2,40m

- Cao độ san nền: + 1,90m

- Cốt bình quân hiện trạng: + 1,00m

- Chiều dày san nền bình quân: + 0,90m

- Tổng khối lượng san nền:  $33.500,4 \text{ m}^2 \times 0,9 \times 1,38 = 41.607 \text{ m}^3$

### **b) Thoát nước mưa:**

- Hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt tách riêng.
- Hướng thoát nước: Ra hệ thống thoát nước của đường tỉnh 818 và hướng thoát ra công trình thủy lợi của khu vực nếu cần thiết.
- Hệ thống thoát nước: Dùng cống tròn, mương bê tông cốt thép đặt dọc theo vỉa hè và qua các trục đường, đảm bảo thoát nước mưa từ mặt đường, vỉa hè và công trình. Thiết kế phân ra các lưu vực phù hợp với việc chia lô, đảm bảo thuận lợi đầu tư hạ tầng. Những vị trí qua đường cần có phương án bảo vệ cống, mương để đảm bảo an toàn cho hệ thống cống, mương. Hồ thu nước bằng BTCT được bố trí đảm bảo theo quy định.

### **c) Giao thông, bãi đậu xe:**

- Kết cấu áo đường:
  - + Đường đôi ngoại: Bê tông nhựa nóng.
  - + Đường nội bộ: Bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng.
- Vỉa hè: Bê tông xi măng hoặc lát gạch xi măng màu có trang trí và chừa chỗ trồng cây xanh và hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoặc trồng cỏ đảm bảo phù hợp.
  - Bó vỉa: Bê tông xi măng.
  - Tại các giao lộ bán kính cong phải bảo đảm cho xe đi lại an toàn.
  - Đường nội bộ: Mặt đường rộng từ 3,5m đến 6m. Có tổng chiều dài 998,0m.

### **d) Cấp nước:**

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn cấp nước của Nhà máy.
- Hệ thống cấp nước của nhà máy dùng ống nhựa HDPE có đường kính từ D60mm - D168mm.
  - Tuyến ống cấp nước chính dẫn nước đến khu vực tiêu thụ có đường kính D1200mm.
  - Tổng nhu cầu dùng nước: 5.525,46 m<sup>3</sup>/ngđ
  - Mạng lưới: Nước dùng cho nhà máy được lấy từ mạng lưới cấp nước (sau bơm cấp 2). Đảm bảo đủ dùng để duy trì hoạt động hàng ngày trong nhà máy bao gồm: nước dùng cho pha hóa chất, thau rửa bồn bể, nước dùng cho nhà điều hành.
    - Tuyến chính: Từ đường ống cấp nước D168mm cạp theo đường nội bộ đưa đến tuyến ống nhánh D60mm dẫn đến nhà điều hành.
    - Bố trí tuyến cống chính dẫn nước từ nhà máy để cung cấp tới nơi tiêu

thụ.

- Ngoài hệ thống ống cấp nước sạch trong khu vực còn bố trí hệ thống tuyến ống cấp nước thô.

**e) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải tách riêng thoát nước mưa.

- Tiêu chuẩn thoát nước thải bằng 80% nước cấp.

- Lưu lượng nước thải: 4.420,37 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Hệ thống thoát nước thải của nhà máy có đường kính từ D50 - D225mm và hệ thống mương B1000mm thu gom từ các hạng mục đưa về khu vực xử lý.

+ Nước thải được xử lý theo 2 cấp:

Cấp thứ I: Xử lý tại hầm tự hoại trước khi xả vào mạng lưới thoát nước thải.

Cấp thứ II: Xử lý tập trung đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột A).

- Xử lý rác:

+ Rác được thu gom hàng ngày vào thùng rác có nắp đậy kín, không để rác ứ đọng trong khu nhà máy. Rác được khuyến khích phân loại theo tính chất vô cơ, hữu cơ, độ rắn và sự phân hủy để thu gom và xử lý.

+ Tổng lượng rác thải: 50,0 kg/ngày (1,0 kg/người/ngày).

**f) Cấp điện:**

Nguồn điện:

- Nguồn điện và lưới điện từ trạm biến thế 110/22KV khu vực xã Nhị Thành.

- Công suất tính toán: 3.200 KVA.

Mạng lưới:

- Lưới điện 22kV trên đường chính nối từ tỉnh lộ 818 vào nhà máy.

- Trong dự án xây dựng 02 trạm biến áp có công suất mỗi trạm 1.600KVA dẫn đến các hạng mục tiêu thụ.

- Chiều dài 518,0m.

- Tuyến hạ thế 0,4kV 3 pha cấp điện cho toàn khu và được đi ngầm dọc theo các vỉa hè và một số vị trí được đi bằng đường.

- Chiếu sáng đường nội bộ, bãi đậu xe là loại đèn Led 60W đến 90W, trụ đèn là loại STK cao khoảng 8m, khoảng cách trụ từ 30m - 40m. Các tủ điều khiển được bố trí trên các vỉa hè.

- + Đường dây 0,4KV hạ thế cho các hạng mục: 720,0m
- + Đường dây 0,4KV hạ thế cho chiếu sáng đường nội bộ: 869,0m.
- + Tổng chiều dài: 1.589,0m.

**g) Hệ thống thông tin liên lạc:**

- Chỉ tiêu thiết kế: 35 số máy trên 100 dân. Tổng số máy dự kiến bố trí trong nhà điều hành là 12 máy; khu kỹ thuật: 8 máy; khu nhà bảo vệ 01 máy.

- Mục tiêu và giải pháp thiết kế:

+ Đảm bảo về nhu cầu thông tin liên lạc như thuê bao điện thoại cố định và thông tin di động, mạng internet của toàn khu.

+ Đảm bảo độ tin cậy của hệ thống thông tin liên lạc.

+ Xây dựng tuyến cáp quang chôn ngầm từ tuyến thông tin của nhà dịch vụ khu vực đến khu quy hoạch.

**h) Cây xanh:**

- Cây xanh bóng mát chủ yếu trồng theo vỉa hè các trục đường và trong khuôn viên với khoảng cách từ 9m đến 10m/cây như xà cừ, sao, dầu, bằng lăng... các loại cây phù hợp với khí hậu thổ nhưỡng của khu vực.

- Không trồng các loại cây có khả năng gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, các cây dễ rụng lá, dễ gãy, đổ.

- Trong khuôn viên nên trồng các loại cây có hoa tươi, có màu sắc đẹp, các thảm cỏ tạo mảng xanh cho nhà máy.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

Công ty Cổ phần nước Biwase - Long An (chủ đầu tư) và các ngành có liên quan thực hiện đúng theo các nội dung sau:

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước Nhị Thành được phê duyệt, chủ đầu tư phải phối hợp với UBND xã Nhị Thành, UBND huyện Thủ Thừa công bố quy hoạch và tiến độ đầu tư dự án theo quy định.

- Chủ đầu tư thực hiện xây dựng phương án thoát nước từ hệ thống xử lý ra hệ thống thoát nước bên ngoài đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, không làm ảnh hưởng đến việc sản xuất nông nghiệp của người dân xung quanh dự án.

- Triển khai dự án phải:

+ Theo đúng diện tích quy hoạch được duyệt, đồng thời đúng theo trích đo bản đồ địa chính do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp.

+ Đảm bảo không làm ảnh hưởng đến các vấn đề thoát nước, vệ sinh môi

trường, an toàn giao thông, hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện hữu của khu vực.

+ Đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật với khu vực lân cận.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Thủ trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng; Tài chính - Kế hoạch; Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Văn hóa và Thông tin; Chủ tịch UBND xã Nhị Thành; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần nước Biwase - Long An; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- UBND huyện (CT, PCT);
- Như điều 3;
- Phòng KT&HT;
- LĐVP;
- NCTH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Quân**